

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị X, sinh ngày: 26/4/1986; địa chỉ: Thôn H, xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Lê Quang K, sinh ngày: 06/6/1985; địa chỉ: Tổ dân phố K, Thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 04 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Hoàng Thị X và anh Lê Quang K

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Cả hai đương sự xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Hoàng Phương N, sinh ngày 12/6/2008, và Lê Hoàng Phương V, sinh ngày 21/03/2019 hiện nay các cháu đang ở với chị X. Hai đương sự thoả thuận giao cả hai cháu N và V cho chị Hoàng Thị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai đương sự thoả thuận anh Lê Quang K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hoàng Phương N và Lê Hoàng Phương V, định kỳ hàng tháng mỗi cháu là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi cả hai cháu N và V tròn 18 tuổi.

Trường hợp vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng thì người được thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ý kiến của cả hai đương sự xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị X tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0006792 ngày 01-3-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị X đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
 - VKSND huyện Phong Điền;
 - CCTHADS huyện Phong Điền;
 - UBND thị trấn Phong Điền.
- ; (ĐKKH số 59 ngày 08-12-2009)
- Lưu hồ sơ, HNGĐ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt